

Số: 35 /KH-SNNMT

Hung Yên, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026**

Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Công văn số 1914/STC-THQH ngày 10/10/2025 của Sở Tài chính về việc xây dựng báo cáo tình hình KTXH năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình KTXH năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026 Ngành Nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
NGÀNH NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Năm 2025, trước bối cảnh vừa hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị về quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trong điều kiện kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn: thế giới bất ổn về tài chính và xung đột về chính trị; thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường, từ tháng 7 đến đầu tháng 10 chịu ảnh hưởng của 4 cơn bão (số 3, số 5, số 10, số 11) tuy các cơn bão đã suy yếu khi vào đất liền nhưng hoàn lưu sau bão đã gây mưa lớn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp (nhất là sâu bệnh trên lúa có mật độ rất cao, bệnh Dịch tả lợn Châu phi xuất hiện tại một số địa phương trên toàn tỉnh...); giá vật tư nông nghiệp, nguyên liệu, chi phí đầu vào cao trong khi đó giá bán các sản phẩm nông lâm thủy sản không ổn định; triển khai các nhiệm vụ về quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường với khối lượng công việc lớn trong khi hệ thống quy định pháp luật có nhiều thay đổi; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh.

Tuy nhiên, bám sát chủ trương, nghị quyết, chương trình, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; sự phối hợp tích cực chặt chẽ của các sở, ban ngành, địa phương; cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Nông nghiệp và Môi trường đã quyết liệt, linh hoạt hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 đạt kết quả khá, tổng GTSX nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh 2010) ước đạt **45.317,8** tỷ đồng tăng 4,4 % đạt theo kế hoạch đề ra. Trong đó: Trồng trọt ước đạt 28.689 tỷ, tăng

trường 5,0 % so với năm 2024; chăn nuôi ước đạt 18.387 tỷ đồng, tăng 3,9 % so với năm 2024; thủy sản ước đạt 7.893,7 tỷ đồng tăng 3,2 % so với năm 2024. Các mô hình sản xuất lớn theo chuỗi liên kết, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sản xuất nông nghiệp xanh, sạch tăng thể hiện rõ xu thế chuyển sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; quyết liệt tham mưu tháo gỡ các điểm nghẽn trong quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, môi trường; cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn, tạo diện mạo nông thôn khang trang sạch đẹp.

1. Kết quả đạt được

Thực hiện Quyết định 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tỉnh ủy tỉnh Hưng Yên Nghị quyết Hội nghị Lần thứ Chín Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Bình; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tích cực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh đã đề ra.

1.1. Về sản xuất nông lâm thủy sản

a) Kết quả lĩnh vực trồng trọt

Năm 2025, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; tổ chức sản xuất tập trung, quy mô lớn tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hoá các khâu từ gieo cấy đến thu hoạch. Ước tính cả năm 2025, tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm toàn tỉnh đạt 278.915 ha, giảm 1,72% (giảm 4.882 ha) so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó: diện tích gieo trồng lúa 193.526 ha, giảm 1,96% (giảm 3.876 ha); vụ Xuân 96.849 ha đạt 100,39% kế hoạch (KH: 96.434ha), năng suất lúa đạt 70,41 tạ/ha, sản lượng đạt 681.632 tấn; diện tích gieo trồng lúa vụ Mùa 96.713 ha, giảm 2,02% (giảm 1.992 ha), năng suất dự kiến ước đạt 59-60 tạ/ha, sản lượng ước đạt 580.125 tấn; diện tích lúa năng suất 88.429 ha, diện tích gieo cấy lúa chất lượng 105.880 ha (tỷ lệ đạt 54,59%).

Diện tích cây ăn quả năm 2025 ước đạt khoảng 20.685 ha (giảm 25,59 ha so với năm 2024). Trong đó; diện tích nhãn khoảng 5.879 ha, sản lượng ước khoảng 52.810 tấn (tăng 13,32% so với cùng kỳ năm 2024); diện tích vải khoảng 1.928 ha (tăng khoảng 67 ha so với năm 2024), sản lượng vải ước đạt 24.475 tấn (cao hơn 2.090 tấn so với năm 2024), trong đó sản lượng vải Trùng Hưng Yên khoảng trên 600 tấn; diện tích cam, bưởi khoảng 4.726 ha (giảm 31 ha so với năm 2024), sản lượng ước đạt 75.300 tấn (cao hơn năm trước khoảng 1,60%); diện tích cây chuối là 4.928 ha (tăng 3,92% so với cùng kỳ năm 2024), sản lượng ước đạt 189.000 tấn; ngoài ra diện tích cây ăn quả khác như ổi, hồng xiêm, mít khoảng 3.433,5 ha, sản lượng ước cao hơn so với năm trước khoảng 10-15%.

Dự kiến đến hết năm 2025, toàn tỉnh trồng được 92.200 ha rau màu, trong diện tích cây màu vụ Xuân 20.992 ha đạt 99% kế hoạch đề ra (*cao hơn 5% so với cùng kỳ năm 2024*); diện tích cây rau màu vụ Hè Thu được khoảng 14.000 ha sản lượng, giá bán các loại rau màu ở mức tương đương so với cùng kỳ năm trước.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì theo hướng đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ lệ các giống cao sản, nuôi thương phẩm, chất lượng con giống vật nuôi được nâng cao. Ước đến cuối năm 2025 số lượng đầu con gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh như sau: đàn trâu bò 99.700 con tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2024, sản lượng thịt 16.496 tấn; tổng đàn lợn 1.346.185 con, tăng 9,8 % so với cùng kỳ năm 2024 sản lượng ước đạt 297.200 tấn; đàn gia cầm (bao gồm: gà, vịt, ngan) 23.400 nghìn con, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2024 sản lượng thịt 122.454 tấn, sản lượng trứng gia cầm ước đạt 865 triệu quả; sản lượng sữa ước đạt 8.900 tấn..

Chuyển dịch cơ cấu giống trong từng đối tượng vật nuôi theo hướng tích cực, cơ cấu giống lợn, gia cầm thương phẩm hướng thịt có sản lượng cao, thời gian nuôi ngắn phù hợp với từng địa phương của tỉnh gắn với thị trường ngày càng tăng, chiếm tỷ trọng chủ yếu; thể trọng đàn trâu bò cải thiện rõ nét, tăng 15-20% thông qua thực hiện cải tạo giống với giống bò cao sản ngoại nhập hướng thịt. Chăn nuôi trang trại theo phương thức công nghiệp gắn với tổ chức theo mô hình liên kết trong chăn nuôi tiếp tục được hình thành và phát triển. Toàn tỉnh có 3.399 trang trại chăn nuôi, có 01 hiệp hội, trên 40 mô hình HTX, 12 tổ HTX chăn nuôi; nhiều mô hình chăn nuôi liên kết dọc với các doanh nghiệp lớn, sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận sản phẩm OCOP 3-4 sao giúp người nông dân tăng 10-15% thu nhập, phát triển bền vững.

c) Kết quả lĩnh vực thủy sản

Năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy sản 19.921 ha giảm 558,1 ha so với năm 2024 do chuyển sang phát triển kinh tế biển và ngành kinh tế khác, Song lĩnh vực nuôi trồng thủy sản tập trung phát triển các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thâm canh, siêu thâm canh tăng năng suất, chất lượng, giá trị của sản phẩm. Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 7.558 tỷ đồng, tăng 3,2% vượt kế hoạch đề ra (KH 2,98%); tổng sản lượng thủy sản ước đạt 357,7 nghìn tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 106 nghìn tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2024; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 251,7 nghìn tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Công tác quản lý tàu cá được tăng cường đảm bảo theo đúng quy định; số tàu cá đủ điều kiện hoạt động khai thác thủy sản đã được đăng ký và nhập vào phần mềm dữ liệu tàu cá Quốc gia VnFishbase: 736 tàu cá, tổng công suất 104.328 Kw (141.886 cv); có 134 tàu cá (100%) có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép khai thác thủy sản, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Các cấp, các ngành và bà con ngư dân trong toàn tỉnh đã có nhiều nỗ lực

và quyết tâm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chống khai thác IUU, khắc phục các tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị của của Đoàn Thanh tra Ủy ban châu Âu (EC) sau đợt kiểm tra tại Việt Nam lần thứ 5 thuộc trách nhiệm của tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU: Tập trung triển khai nhiều giải pháp, bước đầu kiểm soát, ngăn chặn, chưa phát hiện tàu cá, ngư dân của tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài; Ngư dân chấp hành công tác khai báo xuất nhập cảng, ghi nộp nhật ký khai thác, báo cáo khai thác, khai báo điện tử (eCDT VN) theo quy định; tình trạng tàu cá vi phạm vùng khai thác giảm; Triển khai thực hiện Dự án nạo vét luồng vào cảng cá, khu vực cảng và một số công trình trên cảng cá Tân Sơn để sớm trình cấp có thẩm quyền công bố mở cảng cá loại II theo quy định.

d) Kết quả lĩnh vực lâm nghiệp

Tiếp tục quản lý, bảo vệ an toàn cho 4.155,51ha rừng hiện có và diện tích rừng mới trồng; đôn đốc Chủ đầu tư các dự án thực hiện chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng thuộc các dự án trồng rừng; thực hiện trồng 07 ha rừng thông qua các chương trình “Panasonic vì một Việt Nam xanh”, “Airbus hành động cùng chiến dịch Trồng 1 tỷ cây xanh”. Đến thời điểm này, toàn tỉnh đã thực hiện trồng được 1,482 triệu cây phân tán các loại; không xảy ra các vụ việc phá rừng nghiêm trọng; các vụ xâm hại đến rừng đều được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định; không xảy ra cháy rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trái phép.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với các dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu bến cảng hàng lỏng Ba Lạt; Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15/01/2025, Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện công tác quản lý bảo tồn và phát triển bền vững 2 khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước huyện Tiền Hải và huyện Thái Thụy theo quy định, với tổng diện tích 19.060 ha (bao gồm diện tích rừng ngập mặn, đất bãi bồi và đất ngập nước), trong đó Tại Tiền Hải 12.500 ha và tại Thái Thụy là 6.560 ha.

1.2. Về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới: 100% xã được công nhận đạt chuẩn NTM, 163 xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao; 57 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, có 02 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và 232 khu dân cư được công nhận khu dân cư NTM kiểu mẫu. Toàn tỉnh có 759 Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trong đó, có 464 HTX tổ chức lại hoạt động và 295 HTX thành lập mới; các HTX thu hút 424.465 thành viên, bình quân 559 thành viên/HTX; có 760 Tổ hợp tác xã (THTX) nông nghiệp, 02 liên hiệp HTX nông nghiệp. Hoạt động của HTX, THX xã hiệu quả, linh hoạt với nhiều phương thức. Toàn tỉnh có 177 làng nghề, trong đó có 160 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận; có 49 sản phẩm của các làng nghề tham gia đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP, trong đó có 31 sản phẩm đạt

hạng 03 sao và 18 sản phẩm đạt hạng 04 sao.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) có sức lan toả mạnh mẽ, đã tạo nên những tín hiệu tích cực làm tăng giá trị sản phẩm, tạo động lực cho chủ thể mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng thành viên, tạo việc làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân nông thôn. Đã thực hiện đánh giá, xếp hạng thêm 61 sản phẩm nâng tổng số sản phẩm của tỉnh được đánh giá, xếp hạng lên 606 sản phẩm OCOP (*trong đó có 511 sản phẩm OCOP 3 sao, 95 sản phẩm OCOP 4 sao*). Sản phẩm được chứng nhận OCOP để kết nối thị trường tiêu thụ trên toàn quốc, tạo giá trị riêng cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

1.3. Về công tác quy hoạch, dồn điền đổi thửa và tích tụ, tập trung ruộng đất.

Thực hiện chủ trương tích tụ, tập trung ruộng đất, các doanh nghiệp, hộ nông dân tích tụ, tập trung ruộng đất để đầu tư sản xuất hàng hóa quy mô lớn; tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tích cực áp dụng các cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp¹ tạo điều kiện hình thành và phát triển nhiều vùng sản xuất hàng hoá tập trung với cùng loại sản phẩm với quy mô lên tới hàng trăm hecta diện tích tích tụ ruộng đất để sản xuất trồng trọt. Đến nay, toàn tỉnh tổ chức xây dựng được 130 mô hình sản xuất lúa tập trung (*từ 05 ha trở lên*) với tổng diện tích là 12.637 ha (giảm 26 mô hình với diện tích 267 ha so với năm 2024); diện tích xây dựng các cánh đồng liên kết trong sản xuất lúa và rau màu là 9.890 ha (trong đó cánh đồng liên kết sản xuất lúa là 9.270 ha liên kết trên cây rau màu là 620ha); tổng diện tích tích tụ tập trung đất đai là 6.980,98ha (trong đó diện tích tích tụ dưới 2ha là 278,23ha; từ 2-5ha là 1.893,94ha; từ 5-10 ha là 1.728,32ha; từ 10-20ha là 1.225,67ha, diện tích tích tụ trên 20ha là 559,79ha).

Cơ giới hóa được áp dụng nhanh trong sản xuất: 100% khâu làm đất, gần 100% khâu thu hoạch, trên 30% diện tích lúa cấy bằng máy; chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh bằng máy bay không người lái chiếm 10,7% diện tích; phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy cày, máy bơm cao áp chiếm 30% diện tích...Nhìn chung, các mô hình sản xuất tập trung đã tạo điều kiện thuận lợi để áp dụng cơ giới hóa, tiết kiệm chi phí vật tư nguyên liệu đầu vào, mang lại hiệu quả cao hơn sản xuất đại trà từ 1,3-1,5 lần. Đề khuyến khích áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, đợt 1 năm 2025 đã hỗ trợ cho các hộ mua 279 máy cày, 09 máy kéo nông nghiệp, 07 hệ thống thiết bị sấy, 01 máy gặt đập liên hợp, 01 máy phân ly chất thải chăn nuôi.

1.4. Về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm thiểu tác động tiêu cực của hạn hán, xâm nhập mặn.

Tổ chức, triển khai thực hiện thường trực 24/24 h từ ngày 05/5/2025 về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để theo dõi, cập nhật thông tin về diễn biến của thiên tai; tham mưu đề xuất các biện pháp triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn tỉnh; tham mưu thực hiện tu sửa, duy tu nâng cấp

¹ Nghị Quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

xây dựng hệ thống công trình phòng chống thiên tai; tham mưu, ban hành các công điện, công văn, bản tin về việc chủ động ứng phó với bão số 3, bão số 5, bão số 6, số 10, số 11 áp thấp nhiệt đới, mưa dông, mưa lớn cục bộ, lốc, sét và gió giật mạnh, ngập lụt khu vực cửa sông, ven biển để cảnh báo, chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động ứng phó kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra; xây dựng cáo, tổng hợp thiệt hại do thiên tai trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Rà soát, cập nhật phương án ứng phó với thiên tai theo Văn bản số 494/BNMT-ĐD ngày 17/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tổ chức triển khai công tác tập huấn công tác phòng, chống thiên tai và các biện pháp xử lý giờ đầu đối với những sự cố hư hỏng của đê, kè, cống trong mùa lũ bão cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các xã và tại đơn vị; chỉ đạo đơn vị chuyên môn của Sở phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã có đê tổ chức thu dọn điểm gác nước, treo băng rôn, khẩu hiệu, phát quang giải phóng mái đê và chân đê giúp cho công tác tuần tra, canh gác đê được chủ động, đảm bảo việc phát hiện và xử lý giờ đầu các sự cố đê điều thuận lợi, hiệu quả.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị, Quyết định về việc tăng cường công tác quản lý bảo đảm an toàn công trình đê điều, thủy lợi và công tác quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; chủ động sẵn sàng hộ đê, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn 2025, Phương án hộ đê toàn tuyến năm 2025; giao chỉ tiêu chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn 2025; chủ động rà soát, điều chỉnh các báo cáo phân loại trọng điểm xung yếu đê, kè, cống năm 2025; báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước mùa lũ, bão năm 2025; phê duyệt Phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu cấp tỉnh năm 2025.

Thường trực theo dõi diễn biến mực nước và công tác điều hành, vận hành công trình thủy lợi trên các hệ thống thủy lợi Hưng Yên, Bắc Hưng Hải, Bắc Thái Bình và Nam Thái Bình; thường xuyên thông báo diễn biến nguồn nước, tình hình xâm nhập mặn trên các sông tới các đơn vị cấp nước để các đơn vị cấp nước chủ động trong việc khai thác nguồn nước để xử lý.

1.5. Về hoạt động khoa học-công nghệ, nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Sau khi Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27/3/2025 về Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện, chỉ đạo khác về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch số 373/KH-SNNMT ngày 04/06/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 24/KH-SNNMT ngày 03/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban hành nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo điều hành các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả cụ thể:

a) Kết quả hoạt động khoa học - công nghệ, nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển nông nghiệp, môi trường.

Năm 2025, toàn ngành triển khai thực hiện nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã được xây dựng như: Mô hình nuôi Rươi kết hợp cấy lúa tại xã Hồng Thái huyện Kiến Xương, Mô hình sản xuất rau đậu tương theo quy trình VietGap; Mô hình vịt Cherry SM3; Mô hình nuôi gà lạc Thủy; Mô hình nuôi gà chọi lai; Mô hình nuôi gà Đông tảo lai; Mô hình nuôi ngan Pháp R71; Mô hình sản xuất dưa chuột; Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao; Mô hình đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất khoai tây; Mô hình sản xuất bí xanh; Mô hình sản xuất cà rốt; Mô hình thâm canh cá rô phi trong ao; Mô hình nuôi ghép cá chép, cá trắm là chính trong ao; Mô hình chăn nuôi ngan, gà, vịt thương phẩm có áp dụng tiến bộ khoa học....

b) Kết quả ứng dụng công nghệ cao vào lĩnh vực nông nghiệp, môi trường

Tại vụ xuân, mùa năm 2025 đã triển khai tổng 130ha: (xuân 60ha, mùa 70ha) phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay không người lái tại các địa phương trên địa bàn tỉnh; đang triển khai mô hình “Tưới cho cây ăn quả” thuộc Đề án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020- 2025.

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý vận hành khai thác công trình thủy lợi: Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh là Chủ đầu tư đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. Hiện nay, đơn vị tư vấn đã hoàn thành lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán và được cấp có thẩm quyền phê duyệt một số hạng mục trong kế hoạch. Hạng mục thiết kế bản vẽ thi công và thiết bị đo mưa, đo mực nước, đo mặn của dự án theo kế hoạch đang triển khai thực hiện và phê duyệt vào quý 3 năm 2025.

Công ty TNHH chăn nuôi Thái Thụy thực hiện nhiệm vụ khoa học “Ứng dụng công nghệ cảm biến nhiệt độ trong điều khiển tiêu khí hậu chuồng nuôi lợn thịt tại Công ty TNHH chăn nuôi Thái Thụy”: đã triển khai thực hiện đầu tư, lắp đặt máy móc, thiết bị: Quạt thông gió; cảm biến nhiệt độ; tấm tản mát; tủ điều khiển thông gió; máy bơm nước, bóng sủi theo thiết kế kỹ thuật tại 14 dãy chuồng nuôi lợn thịt; thực hiện xây dựng yêu cầu kỹ thuật về môi trường trong chuồng nuôi và đã, đang tổ chức thực hiện quản lý, vận hành hệ thống điều khiển tiêu khí hậu chuồng nuôi tự động.

c) Kết quả triển khai Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27/3/2025 về Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện, chỉ đạo khác về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Triển khai Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27/3/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thái Bình đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-

SNNMT ngày 03/6/2025 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-SNNMT ngày 03/6/2024 để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết 57 -NQ/TW, đến nay đã thực hiện:

** Lĩnh vực trồng trọt:* Đã tiến hành xây dựng và tham mưu ban hành 03 cơ chế chính sách hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư cho sản xuất nông nghiệp và 02 Đề án ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt, cụ thể: tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực giống cây trồng (*nội dung này đang được triển khai thực hiện và đã được bổ sung hoàn thiện Dự thảo lần 2 trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của sở, ngành, địa phương liên quan và chờ gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định*); tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào các vùng trồng dược liệu trên địa bàn tỉnh Thái Bình (*nội dung này đang được triển khai thực hiện và đã được bổ sung hoàn thiện Dự thảo lần 2 trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của sở, ngành, địa phương liên quan và chờ gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định*); tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, người sản xuất tham gia phát triển thương hiệu gạo Thái Bình (*nội dung này đang được triển khai thực hiện*); xây dựng Đề án phát triển trung tâm, viện nghiên cứu cây trồng trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh trong khu vực Đồng bằng Sông hồng và cả nước (*nội dung này đang được triển khai thực hiện*); Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp trong nhà kính, nhà lưới, nhà màng trên địa bàn tỉnh Thái Bình - Tiến độ hoàn thành (*nội dung này đang được triển khai thực hiện và đã được bổ sung hoàn thiện Dự thảo lần 2 trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của sở, ngành, địa phương liên quan. Song do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan, chưa trình được UBND tỉnh phê duyệt*).

** Lĩnh vực thủy sản:* Theo Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Biển và Thủy sản đề xuất giải pháp đột phá khoa học công nghệ. Theo đó, Chi cục Biển và Thủy sản đã tham mưu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học công nghệ lĩnh vực giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2030, đến nay đã gửi các Sở, ban ngành xin ý kiến lần 1; sau sáp nhập tỉnh tiếp tục đề xuất tích hợp vào Nghị quyết chung của tỉnh ban hành quy định một số cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

1.6. Về quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt công tác tham mưu, quản lý tài nguyên, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản theo quy định; công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành; công tác quản lý môi trường tại các dự án được thực hiện bài bản đảm bảo các điều kiện về môi trường và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, nhất là khi sát nhập, thay đổi mô hình vận hành tổ chức chính quyền địa phương; thực hiện hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Làm tốt công tác ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trong việc góp ý kiến đối với các dự án đầu tư vào tỉnh, đánh giá sơ bộ tác động môi trường đối với các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao, từ chối tiếp nhận các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thẩm định chặt chẽ báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Giám sát các nguồn xả thải chất thải lớn trên địa bàn tỉnh; thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tỉnh. Thực hiện các nhiệm vụ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở phát sinh chất thải lớn, các cơ sở là điểm nóng về ô nhiễm môi trường; phối hợp kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước sông Bắc Hưng Hải và cải thiện môi trường các kênh, mương, ao hồ trên địa bàn tỉnh. Triển khai Đề án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức tham mưu giải quyết các TTHC về môi trường đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 55 dự án, cấp 106 Giấy phép môi trường; tích cực hướng dẫn các xã, phường thực hiện công tác quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn..

Tính đến 30/9/2025 đã thực hiện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh 305 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, gia hạn sử dụng đất, gia hạn tiến độ sử dụng đất, chấp thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thu hồi đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất với diện tích 1.632,27 ha (Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký 290 hồ sơ, diện tích 1.578,66 ha). Cơ bản hoàn thành nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi thực hiện sắp xếp, tổ chức theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tích cực hướng dẫn các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch, kế hoạch và quản lý đất đai theo quy định hiện hành.

2. Một số tồn tại hạn chế

- Sản xuất nông nghiệp tính bền vững, tính ổn định chưa cao, phần lớn vẫn bán sản phẩm dưới dạng thô; chưa phát triển nhiều theo chuỗi giá trị; các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có liên kết bao tiêu sản phẩm còn hạn chế; công tác xúc tiến thương mại (*thị trường và thông tin thị trường, đầu ra của sản phẩm*) trong lĩnh vực nông nghiệp chưa thực sự hiệu quả. Các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn chưa nhiều. Việc triển khai các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững kết quả còn hạn chế, chưa rõ nét. Quỹ đất cho phát triển nông nghiệp ngày càng giảm.

- Dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn có nguy cơ bùng phát nếu không kiểm soát tốt. Chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh chưa thực sự được thực hiện đồng bộ, nhất là trong khu vực chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa; công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, làng nghề chưa đạt so với yêu cầu.

- Một bộ phận người chăn nuôi, người buôn bán, giết mổ chưa chấp hành nghiêm quy định về kê khai hoạt động chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường; chưa chấp hành lịch thời vụ, công tác phòng, trừ sâu bệnh; vẫn còn một

số vi phạm về kết nối VMS trên biển, đăng ký, đăng kiểm tàu cá. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực phục vụ triển khai đối phó với thiên tai cho lực lượng chuyên trách còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu. Kinh phí cho hoạt động xúc tiến, quảng bá tiêu thụ sản phẩm còn thấp

- Giá cả vật tư nông nghiệp, nguyên liệu đầu vào trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi cao trong khi đó lại khó kiểm soát được chất lượng đầu vào (giống thủy sản); việc tích tụ ruộng đất để sản xuất tập trung trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng như cảng cá, hạ tầng nội đồng còn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đề ra.

- Việc huy động các nguồn lực và bố trí vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, quản lý môi trường hạn chế; việc tham mưu hợp nhất một số văn bản quy định thuộc lĩnh vực ngành quản lý còn chậm do nhiều quy định quản lý nhà nước lĩnh vực nông nghiệp, môi trường được sửa đổi, bổ sung; số lượng công chức giảm (đặc biệt tại các đơn vị chuyên môn) do nghỉ chế độ 178 hoặc luân chuyển về cấp xã trong khi đó nhiều văn bản liên quan đến quản lý chính quyền địa phương 2 cấp được sửa đổi bổ sung.

- Việc tham mưu cấp có thẩm quyền tháo gỡ một số vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án còn khó khăn do một số quy định khó áp dụng. Vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật trong khai thác tài nguyên nước và khoáng sản, đất đai, bảo vệ môi trường.

- Năng lực xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh hiện nay chưa đáp ứng đủ công suất xử lý toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh, khoảng 450 tấn/ngày đêm, chỉ đáp ứng khoảng 24% tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày; Dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn tập trung chậm; nhiều lò đốt rác quy mô xã đã hỏng hóc, không sử dụng, hiệu quả đốt không cao, không đảm bảo yêu cầu về môi trường...

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

NGÀNH NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG NĂM 2026

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên thông qua việc nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị, mở rộng thị trường, mở rộng thêm ngành hàng, chuyển sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ mới với năng suất chất lượng cao, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế, dựa trên lợi thế địa phương, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo góp phần đẩy nhanh phát triển nền kinh tế của tỉnh, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể

Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2026:

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2026 (theo giá cố định 2010) đạt khoảng 2,2-2,5% (trong đó trồng trọt tăng 5%, chăn nuôi 2,07%, thủy sản 2,4%). Năng suất lúa bình quân đạt 66,26 tạ/ha; Tỷ lệ diện tích lúa chất lượng cao đạt trên 58%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 100%; phân đầu 100% hộ nghèo có nhu cầu được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm); 100% các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Giữ tỷ lệ che phủ rừng 1,54%.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

III. Các nhiệm vụ, giải pháp chính

1. Tiếp tục triển khai thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp ngành được giao trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân về phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, xây dựng nông thôn mới.

2. Tích cực triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đã ban hành như: Cơ chế chính sách về tích tụ, tập trung; Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Cơ chế, chính sách hỗ trợ mua máy cấy, hệ thống thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.... Chủ động nghiên cứu, đề xuất việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chính sách phù hợp với thực tiễn của tỉnh sau sáp nhập, có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tích cực, chủ động tham mưu, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường theo đúng quy định pháp luật; rà soát sửa đổi các quy định của tỉnh về bồi thường để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trọng điểm của quốc gia, của tỉnh và địa phương phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn của tỉnh.

3. Tham mưu, tổ chức thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu về phát triển kinh tế xã hội năm 2026 cụ thể:

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng năm 2026 đạt 313.050 ha trở lên, trong đó: diện tích cây hàng năm đạt 288.550 ha trở lên, diện tích cây lâu năm đạt 24.500 ha trở lên. Diện tích lúa cả năm đạt 191.500 ha trở lên, năng suất đạt 66,26 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 1.269 nghìn tấn; diện tích rau các loại phân đầu đạt 56.550 ha, năng suất bình quân 226 tạ/ha, sản lượng đạt trên 1 triệu tấn. Sản xuất trồng trọt tuân thủ đúng thời vụ, cơ cấu giống, quy trình kỹ thuật phù hợp với từng loại cây trồng và từng địa phương, chuyển đổi linh hoạt sang cây hàng năm, cây lâu năm đảm bảo đúng quy

định của pháp luật. Tiếp tục mở rộng quy mô đồng ruộng sản xuất lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, áp dụng cơ giới hóa tối đa các khâu sản xuất từ gieo trồng đến sơ chế, chế biến sản phẩm đồng thời ứng dụng quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, có thương hiệu, nhãn hiệu tạo nguồn sản phẩm lớn và ổn định cho liên kết sản xuất. Sản xuất lúa theo mô hình "**cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn**" từ 30 ha trở lên, diện tích khoảng 5.000 ha.

Mở rộng diện tích trồng cây dược liệu, cây gia vị, hoa cây cảnh, cây ăn quả và cây rau trên đất bãi để thay thế các loại cây có giá trị kinh tế thấp như: ngô, lạc, đậu tương; không mở rộng diện tích trồng nhãn (*duy trì diện tích 5.900 ha*), tập trung cải tạo bộ giống và rải vụ thu hoạch nhằm hạn chế tư thương ép giá, mất giá; mở rộng diện tích trồng vải trứng Hưng Yên (*2.000 ha*), bưởi, ổi,... tại các địa phương có điều kiện thổ nhưỡng và trình độ canh tác phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng quy định của nhà nước và của tỉnh. Trong vụ Đông 2026-2027 phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất cây rau, màu đạt 44.500 ha; phấn đấu mỗi địa phương xây dựng ít nhất từ 5-7 "**Cánh đồng sản xuất tập trung, quy mô lớn**" trồng cây trồng vụ đông với diện tích 10 ha trở lên.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Tăng cường ứng dụng đồng bộ khoa học kỹ thuật; áp dụng các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng tốt, biện pháp xử lý môi trường, nâng cấp cơ sở vật chất các trang trại hiện có...; tăng mật độ, tăng số lượng, sản lượng, giá trị chăn nuôi các đối tượng con nuôi chủ lực. Phấn đấu giá trị sản xuất đạt chăn nuôi ước đạt 19.420 tỷ đồng. Tổng đàn lợn 1.375 nghìn con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 303,9 nghìn tấn. Tổng đàn gia cầm ước đạt 23,5 triệu con, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 126,525 nghìn tấn, sản lượng trứng gia cầm các loại ước đạt 875 triệu quả. Tổng đàn trâu, bò đạt 102,85 nghìn con, sản lượng thịt trâu bò hơi xuất chuồng ước đạt 16,9 nghìn tấn; tiếp tục chỉ đạo định hướng chuyển dịch cơ cấu vật nuôi sang vật nuôi cao sản, hướng thương phẩm có năng suất, chất lượng cao, hệ số quay vòng quay ngắn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện cơ cấu lại chăn nuôi, hướng dẫn thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn VietGAHP, an toàn dịch bệnh. Tích cực tham mưu, chỉ đạo phát triển sản xuất chăn nuôi, thúc đẩy liên kết, hợp tác chăn nuôi theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Chủ động thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm, trong đó trọng tâm là tiêm vắc xin phòng chống cho đàn gia súc, gia cầm, triển khai khử trùng tiêu độc, giám sát dịch bệnh gia súc gia cầm; thực hiện giám sát chủ động, giám sát lâm sàng và lấy mẫu xác minh dịch bệnh để cảnh báo và hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh kịp thời; tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, quản lý an toàn thực phẩm theo quy định.; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật và kiểm tra, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và hành nghề thú y trên địa bàn tỉnh.

3.3. Lĩnh vực thủy sản

Tiếp tục phát triển thủy sản bền vững, theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng, gia tăng về giá trị; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh phát triển các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích, thu hút đầu tư

phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển. Gắn mục tiêu phát triển thủy sản với bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Sản phẩm tăng trưởng thủy sản năm 2026 ước đạt 2,4%, giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 7.588 tỷ đồng; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 358,2 nghìn tấn, trong đó: sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 106,1 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 352,1 nghìn tấn.

Tập trung quản lý, chỉ đạo phát triển sản xuất nuôi trồng, khai thác thủy sản theo Luật thủy sản, theo quy hoạch thủy sản và các quy hoạch khác có liên quan. Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt. Tổ chức sản xuất theo đúng quy hoạch được phê duyệt, chú trọng phát triển nuôi thủy sản nước ngọt, đặc biệt ở các vùng có tiềm năng lợi thế nhiệm vụ để sản xuất rươi, cày kết hợp với trồng lúa hữu cơ, trồng cói, mang lại giá trị kinh tế cho người dân. Phát triển các đối tượng thủy sản nuôi có giá trị kinh tế, phát triển nuôi cá lồng trên sông theo quy hoạch. Phối hợp với các địa phương tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nông, ngư dân chăm sóc, quản lý, phòng bệnh cho đối tượng thủy sản nuôi. Thực hiện hiệu quả công tác quản lý tàu cá, đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về đăng ký, đăng kiểm, giấy phép khai thác, an toàn thực phẩm... Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát tàu cá ra, vào các cảng cá, giám sát sản lượng thủy sản qua cảng; xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT VN) đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc thủy sản theo chuỗi.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản; đầu tư nguồn lực cho hoạt động kiểm ngư; Tăng cường kiểm tra, tuần tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất thủy sản, trong đó tập trung kiểm tra chất lượng, điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ nuôi trồng thủy sản, điều kiện an toàn thực phẩm, điều kiện nuôi trồng thủy sản đối tượng chủ lực, nuôi lồng bè theo quy định của trung ương và của tỉnh. Kiểm tra cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả các nhiệm vụ cấp bách khắc phục cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Tăng tần suất, thời gian tuần tra, kiểm tra kiểm soát trên biển, tại cảng cá, bến cá, xử lý vi phạm trong chống khai thác IUU.

3.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

Giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng hiện tại là 1,54%, trồng mới 20 ha rừng. Bảo vệ tốt 4.155,51 ha diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm, gia tăng diện tích, nâng cao chất lượng rừng nhằm phát huy vai trò phòng hộ ven biển; triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy, Tiền Hải; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, khai thác hiệu quả của rừng ngập mặn ven biển thông qua phát triển du lịch sinh thái, nuôi thủy hải sản dưới tán rừng để phát triển kinh tế; Ứng dụng công nghệ số trong chế biến kinh doanh gỗ, gây nuôi động vật hoang dã theo chu trình

tuần hoàn khép kín nâng cao số lượng, chất lượng, giá trị sản phẩm đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường và công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

3.5. Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và muối

Xây dựng kế hoạch, giải pháp nhằm nâng cao tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng của công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với chính quyền cơ sở xây dựng kế hoạch thu hoạch và tiêu thụ nông sản của từng địa phương, trên cơ sở đó kết nối tiêu thụ với các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản; thường xuyên rà soát thống kê số lượng các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản và muối trong tỉnh; rà soát năng lực, nhu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến nông sản; hỗ trợ các cơ sở chế biến xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất. Tham mưu đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến tiêu thụ nông sản đúng với cơ chế chính sách của Trung ương và phù hợp tình hình thực tế của tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao trình độ công nghệ chế biến nông lâm thủy sản; phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng; khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản và muối ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị cạnh tranh của sản phẩm; tiếp tục phát triển đầu tư nâng cấp, bảo tồn và phát triển nghề sản xuất muối truyền thống gắn với du lịch tâm linh Phủ bà Chúa Muối tại Thụy Hải, Thái Thụy, phát triển chế biến đa dạng các sản phẩm từ muối.

3.6. Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường, cung cấp thông tin, định hướng, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, chú trọng hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm an toàn theo chuỗi cung ứng thực phẩm ở cấp tỉnh. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại nông sản; tăng cường quảng bá sản phẩm nông sản của tỉnh, tập trung phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong nước; tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ khuyến khích các cơ sở đưa sản phẩm tham gia các hội chợ, hội nghị xúc tiến thương mại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử trong kết nối cung cầu, tiêu thụ nông sản. Cung cấp thông tin cụ thể, kịp thời các sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn để người tiêu dùng biết, lựa chọn.

3.7. Công tác quản lý nhà nước về chất lượng, ATTP.

Tăng cường các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông nhằm góp phần thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm của những người sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản và của chính người tiêu dùng trong việc lựa chọn thực phẩm; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, chính quyền địa phương trong công tác quản lý cơ sở và giám sát ATTP sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản; Thường xuyên giám sát, kiểm tra tồn dư chất độc hại trong nông lâm thủy sản; kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất, tập trung vào các sản phẩm có nguy cơ cao; Tăng cường kiểm tra, kiểm tra đột xuất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, chú trọng

các cơ sở có nguy cơ cao; Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm; công khai các cơ sở vi phạm lên các phương tiện thông tin đại chúng; Hỗ trợ các cơ sở áp dụng quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, chương trình quản lý chất lượng tiên tiến; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ. Tiếp tục triển khai và nhân rộng các mô hình quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi thực phẩm an toàn, phát triển chuỗi giá trị khép kín theo hướng bền vững từ sản xuất đến chế biến sâu và bán sản phẩm.

4. Tập trung chỉ đạo quy hoạch, quy vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm: Chủ động phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường triển khai thực hiện phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi nuôi trồng thủy sản trọng điểm của tỉnh, gắn liền với việc quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất, mạng lưới chế biến nông sản. Chỉ đạo xây dựng và nhân rộng, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho nông dân.

5. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong nông nghiệp

Đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; nghiên cứu chọn tạo các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ địa bàn nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản; chuyển giao các tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ giống, bảo quản, chế biến nông sản, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm. Tập trung khai thác và tận dụng tốt nhất lợi thế của nền nông nghiệp hiện có của tỉnh; đưa nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ để xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh có quy mô phù hợp theo hình thức trang trại...; phát triển các mặt hàng nông sản có thế mạnh cạnh tranh từ ưu thế của địa phương trong sản xuất lúa các loại đặc biệt lúa giống, lúa chất lượng cao, cây ăn quả (nhãn và Vải trứng) cây rau màu, con vật nuôi và nuôi trồng thủy, hải sản..

6. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, ổn định và cải thiện điều kiện sống của cư dân nông thôn

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân, doanh nghiệp hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình và

cộng đồng là chủ thể xây dựng nông thôn mới. Lấy nội lực làm căn bản, tự giác tham gia, sáng tạo trong tổ chức thực hiện, lấy phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” làm mục tiêu định hướng cho các nội dung tuyên truyền, vận động.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định. Tăng cường huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp; tạo điều kiện các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia xây dựng các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp (*công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp; công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích xã hội khác*). Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm phát huy hiệu quả, tạo sự tin tưởng, đồng thuận của người dân.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới ở các đơn vị, địa phương. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình; yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế; có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn biểu hiện tiêu cực, lãng phí, gây thất thoát nguồn vốn ngân sách, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện.

Khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển các hợp tác xã chuyên ngành, chuyên lĩnh vực như: HTX chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng cây dược liệu, HTX sản xuất lúa gạo đặc sản, lúa giống... hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng thương hiệu tham gia chương trình OCOP mỗi xã một sản phẩm; tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội; Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo, tái nghèo; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững; Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người cận nghèo và người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

7. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước

7.1. Công tác phòng, chống thiên tai

Tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện thường trực về công tác phòng, chống thiên tai để theo dõi, cập nhật thông tin về diễn biến của thiên tai, tham mưu đề xuất các biện pháp triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên

phạm vi toàn tỉnh. Tham mưu các Văn bản quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo dưỡng công trình phòng, chống thiên tai. Tăng cường công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”, chống mọi biểu hiện chủ quan lơ là, mất cảnh giác.

7.2. Công tác thủy lợi và nước sạch nông thôn

Theo dõi tình hình diễn biến thời tiết, khí hậu, tình hình nguồn nước, diễn biến khô hạn, độ mặn; kiểm tra đôn đốc chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên phối hợp với các địa phương chủ động điều tiết mở cống lấy nước đổ ải, tiêu thau nước hệ thống linh hoạt, kịp thời trong bối cảnh nước nguồn thấp và thiếu, mặn lấn sâu vào các cửa sông nhưng vẫn đảm bảo đủ nước làm đất cấy lúa Xuân năm 2026 trong khung thời vụ tốt nhất đảm bảo đủ nước cho bơm tát suốt vụ; Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án công tác thủy lợi phục vụ sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2026; Đề án công tác thủy lợi phục vụ sản xuất vụ Mùa, vụ Đông năm 2026; Tổ chức thường trực vụ Mùa, vụ Đông năm 2026, đặc biệt các đợt cao điểm mưa úng.

Tích cực tuyên truyền vận động người dân tham gia sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung, nâng cao tỷ lệ đầu nối sử dụng nước sạch. Nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung. Tăng cường sự phối kết hợp giữa các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị và giữa các cơ quan, đơn vị với các đơn vị cấp nước trong việc quản lý, vận hành và khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động cung cấp nước sạch đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch phục vụ nhân dân. Tiếp tục thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân theo quy định.

8. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản theo quy định pháp luật hiện hành; tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức triển khai toàn diện, hiệu quả công tác quản lý đất đai; tích cực tháo gỡ các khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tăng cường giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thực hiện hiệu quả, minh bạch công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là khai thác cát; tổ chức thực hiện việc đấu giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép cho các tổ chức, cá nhân khai thác cát phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Tiếp tục tham mưu hoàn thiện và ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật BVMT phù hợp với địa giới hành chính mới và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau sáp nhập. Tập trung thực hiện thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và môi trường; Tăng cường phối hợp kiểm tra, xử phạt vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai,

khoáng sản; tăng cường huấn, hướng dẫn công tác quản lý đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường cho cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, công vụ; Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, tập trung xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính trong sạch, liêm chính, hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tập trung chỉ đạo về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm túc, kịp thời theo thẩm quyền đối với công chức, viên chức có hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục kiện toàn đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; sắp xếp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức gắn với vị trí việc làm; không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành nông nghiệp, môi trường; đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho cơ sở, địa phương giải quyết ...

Trên đây là báo cáo tình hình KTXH năm 2025 và Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 Ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Hưng Yên; Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định./. *tu*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Kiên

Phụ lục: Biểu tổng hợp một số chỉ tiêu kinh tế-xã hội chủ yếu thực hiện năm 2025, dự kiến 2026
(kèm theo Văn bản:/KH-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026			Dự kiến 03 năm Từ 2026-2028		
								Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với năm 2024 (%)	Dự kiến kế hoạch	So với kế hoạch năm 2025 (%)	So với ước thực hiện năm 2025 (%)	Kế hoạch	Ước thực hiện 03 năm	So với giai đoạn 2021-2025
1	Giá trị sản xuất (theo giá so sánh)	Tỷ đồng															
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng		41.758	42.858	43.783	43.491	45.329	23.477	30.431	4,4	46.310	2,5	2,5			
2	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%															
	Tốc độ tăng GTSX nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		2,68	2,63	2,15	-0,66	4,4	2,1	4,4	4,4	2,50	2,50	2,50	2,0-2,5	2,0-2,5	
3	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025	Xã	380	380	380	380	380	341									
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025	%	100	100	100	100	100	100	100								

[illegible]

